TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2022
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Ông Hồ Xuân Dũng.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1025/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim K, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt – vắng mặt)

Địa chỉ: 172 Trường Chinh, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 159 Lê Lai, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Kim K trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống ở thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk đến năm 2020 thì về sống tại phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nhận ra không hợp nhau,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã tự sống riêng từ tháng 02/2021 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không có nói chuyện với nhau, cũng không ai có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 19/7/2015 hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thái C* vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không lý do, đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị K.

- Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Kim K được ly hôn với anh Nguyễn Thái C; Về con chung: Chị K, anh C có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 19/7/2015 hiện đang ở với chị K. Giao cháu M cho chị K nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng. Chị K không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên không xét; Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Kim K khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Thái C có địa chỉ cư trú tại số 159 Lê Lai, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thái C đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án đúng theo quy định pháp luật nhưng anh C không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim K và anh Nguyễn Thái C trước khi tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk nên quan hệ hôn nhân của chị K và anh C là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C là có cơ sở xem xét. Xét về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K, anh C, căn cứ vào lời trình bày của chị K và người thân trong gia đình anh C có cơ sở xác định, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc chị K anh C tính tình không hợp, không tìm đươc tiếng nói chung trong cuộc sống chính vì vậy tháng 02/2021 chị K đã thuê nhà sống riêng còn anh C thì vào làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh từ đó cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh C không lần nào hợp tác và vắng mặt không lý do. Anh C không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của chị K như vậy là đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ và chứng tỏ anh C đã không còn mong muốn gìn giữ mối quan hệ hôn nhân này. Chị K xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh C không còn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim K và anh Nguyễn Thái C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim K với anh Nguyễn Thái C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị K, anh C có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 19/7/2015 hiện đang ở với chị K. Chị K yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị K nhưng anh C cũng không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu này của chị K. Hơn nữa, cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 19/7/2015 tính đến ngày xét xử chưa đủ 07 tuổi, lại là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, việc ở với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu M. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Phạm Hà M cho chị Phạm Thị Kim K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Chị Phạm Thị Kim K không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Thái C nên không xem xét.

[4] Chị Phạm Thị Kim K, anh Nguyễn Thái C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị Kim K được ly hôn anh Nguyễn Thái C.

2. Về con chung:

2.1. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 19/7/2015 hiện đang ở với chị Phạm Thị Kim K cho chị K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con đối với anh C nên không xem xét.

3. Chị Phạm Thị Kim K, anh Nguyễn Thái C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005061 ngày 05/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND TX. An Nhơn;*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Chiến **Trương Thị Hiệp** **Lê Ngọc Quang**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Ngọc Quang

Nơi nhận:
THẨM

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

5/Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.